

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY BẮC  
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/02/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Thanh Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Thành Phước

2. Ông Hồ Văn Thái

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 189/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 21a/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Lê Văn T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

**Bị đơn:** Chị Dương Thị D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh T có yêu cầu xét xử vắng mặt, chị D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2023, bản tự khai ngày 10/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh [Lê Văn T](#) trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị [Dương Thị D](#) do quen biết, sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre](#) vào ngày 10/02/2020. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, thường hay cãi nhau, anh và chị [D](#) có nhiều mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc. Gia đình anh và chị [D](#) cũng có mâu thuẫn với nhau về việc con chung và con riêng của anh và chị [D](#). Anh và chị [D](#) đã sống ly thân từ đầu tháng 5/2023 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng anh không có hàn gắn với nhau, mạnh ai nấy sống. Nay anh xác định tình cảm với chị [D](#) không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị [D](#) ly hôn với nhau.

Về nuôi con chung: anh và chị [D](#) có một con chung tên [Lê Quốc H](#), sinh ngày 03/10/2020. Hiện nay con chung đang sống chung với chị [D](#), khi nộp đơn khởi kiện ly hôn anh yêu cầu nuôi con chung. Tuy nhiên, nay anh thay đổi ý kiến, đồng ý để con chung cho chị [D](#) tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh và chị [D](#) tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn chị [Dương Thị D](#) vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định về nghĩa vụ của mình, cụ thể còn vắng mặt trong những lần Tòa án mời.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh [Lê Văn T](#). Về con chung: Chị [Dương Thị D](#) được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là cháu [Lê Quốc H](#), sinh ngày 03/10/2020; anh [T](#) không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: anh [T](#) và chị [D](#) tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Nợ chung: không có nên không đề cập.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn [Dương Thị D](#) có hộ khẩu thường trú tại [xã K, huyện M](#) nên căn cứ khoản 1, Điều 35 và khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn anh [Lê Văn T](#) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị [Dương Thị D](#) vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh [T](#) và chị [D](#) là phù hợp.

[2] *Về nội dung*:

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh [Lê Văn T](#) đối với chị [Dương Thị D](#), Hội đồng xét xử thấy rằng: anh [T](#) và chị [D](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre](#) vào ngày 10/02/2020. Xét thấy, hôn nhân của anh [T](#) và chị [D](#) đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh [T](#) và chị [D](#) đã có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau một con chung nhưng vì nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc anh [T](#) xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh [T](#) cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về tiền bạc, vợ chồng không thể tiếp tục sống cùng nhau nữa nên anh [T](#) và chị [D](#) đã sống ly thân từ khoảng tháng 5/2023 đến nay.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho chị [D](#) đến Tòa để tham gia các phiên họp để Tòa án tiến hành hòa giải hôn nhân cho anh chị nhưng chị [D](#) đều vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ chị [D](#) không có thiện chí hàn gắn hôn nhân cùng anh [T](#). Theo nội dung tại biên bản xác minh ngày 29/11/2023 với mẹ ruột của chị [D](#) là bà [Đào Thị H1](#) thì bà [H1](#) cho biết: sau khi kết hôn chị [D](#) sống bên gia đình chồng nên vợ chồng chị [D](#) và anh [T](#) mâu thuẫn cụ thể thế nào bà không rõ tuy nhiên từ khoảng trước tết của năm 2023 thì chị [D](#) đã dẫn theo con là cháu [H](#) về sống cùng bà.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của anh [T](#) và chị [D](#) thực tế đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Anh [T](#) và chị [D](#) là vợ chồng nhưng anh chị không quan tâm, giúp đỡ nhau để

tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt mà anh chị lại bỏ mặc nhau, đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay nên anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp.

[3] *Về nuôi con chung*: anh T và chị D có một con chung tên Lê Quốc H, sinh ngày 03/10/2020. Theo trình bày của anh T và bà H1 (mẹ ruột của chị D) thì các bên đều thống nhất hiện nay cháu H đang sống cùng với chị D, khi ly hôn anh T đồng ý để chị D tiếp tục nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu H nên để cháu cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án chị D không có văn bản trình bày ý kiến về vấn đề cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp chị D muốn yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con thì có thể nộp đơn khởi kiện tại Tòa án trong một vụ kiện khác.

[4] *Về chia tài sản chung*: anh T trình bày tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án chị D cũng không có văn bản trình bày ý kiến gì về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp về tài sản chung thì chị D vẫn được quyền khởi kiện trong một vụ kiện khác.

[5] *Về nợ chung*: anh T trình bày không có nên không đề cập.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: anh T phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn T.

Anh Lê Văn T và chị Dương Thi D được ly hôn với nhau.

[2] *Về con chung*: Sau khi ly hôn chị D được quyền trực tiếp tiếp tục nuôi con chung là cháu Lê Quốc H, sinh ngày 03/10/2020 (hiện nay cháu H đang sống cùng với chị D), anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3]. *Về chia tài sản*: Anh Lê Văn T trình bày tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. *Về nợ chung*: Anh Lê Văn T trình bày không có nên không đề cập.

[5] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005365 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên anh T không phải nộp thêm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKS nhân dân huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc;
- UBND xã Khánh Thạnh Tân (số 11, ngày 10/02/2020);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Cao Thanh Minh**

